

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-HVTC ngày 05 / 9 /2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN TRỊ KINH DOANH
(Tên Tiếng Anh: **Business Administration**)
- MÃ NGÀNH: 7340101
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: QUẢN TRỊ KINH DOANH DU LỊCH
(Tên Tiếng Anh: **Tourism Business Administration**)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: 03.02
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: Đại học (Chương trình chuẩn)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP: Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG: Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH: 2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Quản trị kinh doanh du lịch, ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn về quản trị kinh doanh du lịch toàn diện. Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững nền tảng cơ bản về khoa học tự nhiên – xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ, về kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh, marketing; chuyên sâu về lĩnh vực quản trị kinh doanh du lịch; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề liên quan; có khả năng lãnh đạo, quản lý, làm việc khoa học, đổi mới và sáng tạo; phân tích, đánh giá, hoạch định, tổng hợp và thực hành nghề nghiệp; tự chủ, trách nhiệm, tự đào tạo và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc thay đổi gắn với kỹ nguyên số; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời. Ngoài ra, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu khác để mở rộng cơ hội nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives):

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT) và trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN), giáo dục thể chất (GDTC) để vừa rèn luyện sức khỏe; sống có kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng phát triển đất nước.

PO2: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị, pháp luật kinh tế, nguyên lý thống kê, kinh tế lượng để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản của quản trị kinh doanh du lịch trong môi trường làm việc thực tế; có năng lực Tiếng Anh chuyên sâu và ứng dụng công nghệ số trong học tập, nghiên cứu và công việc.

PO3: - Có kiến thức chung của ngành Quản trị kinh doanh và ngành Marketing để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu lĩnh vực Quản trị kinh doanh du lịch.

- Có kiến thức chuyên môn khác về Kinh tế, TC-NH, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tiếng Trung trong giao tiếp du lịch hỗ trợ cho ngành Quản trị kinh doanh, CTĐT Quản trị kinh doanh du lịch để người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

PO4: - Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng về lĩnh vực Quản trị điểm đến du lịch dựa trên tiếp cận của quản trị doanh nghiệp như: nghiên cứu thực trạng điểm đến du lịch (môi trường vi mô, môi trường vĩ mô, nguồn lực, ngành hỗ trợ); thiết lập tầm nhìn, chiến lược; định vị và xây dựng thương hiệu điểm đến, marketing điểm đến; đảm bảo chất lượng điểm đến,...

- Có kiến thức chuyên sâu về Quản trị kinh doanh du lịch để thực hiện công việc chuyên môn; quản lý, tư vấn, tham mưu ra quyết định tối ưu.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến lĩnh vực Quản trị kinh doanh du lịch và lĩnh vực hỗ trợ khác.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc;...

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn CNTT, năng lực số và ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc với cá nhân, nhóm, tập thể một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân.

- Có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, nhóm, cộng đồng và xã hội; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

- Có khả năng nghiên cứu, tự học, cập nhật, bổ sung các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có cơ hội nhận được bằng đại học thứ 2 ngành đào tạo khác của Học viện nếu người học đăng ký học cùng lúc 2 chương trình.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp CTĐT Quản trị kinh doanh du lịch, ngành Quản trị kinh doanh của Học viện Tài chính có nhiều cơ hội nghề nghiệp và có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn đa dạng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị kinh doanh du lịch. Ngoài ra, người học có thể làm việc trong các cơ quan quản lý Nhà nước; các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng; các Viện và Trung tâm nghiên cứu; các tổ chức hoặc các doanh nghiệp trong nước, quốc tế. Cụ thể:

- Trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch, doanh nghiệp cung ứng hoặc phân phối gắn với dịch vụ du lịch

+ Vị trí công việc chuyên môn quản trị: chuyên viên thực hiện công việc Quản trị chiến lược, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, Quản trị chương trình du lịch, Tổ chức sự kiện, Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú và vận chuyển khách du lịch, Quản trị kinh doanh du lịch số, Quản trị điểm đến, Quản trị kinh doanh dịch vụ quốc tế, Quản trị rủi ro,...

+ Vị trí công việc về kinh doanh và marketing: Chuyên viên Kinh doanh; Chuyên viên Chăm sóc khách hàng gắn với chuỗi dịch vụ du lịch trong nước và quốc tế.

+ Chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư gắn với áp dụng kiến thức về quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh du lịch, marketing, tài chính, kế toán, người học tự khởi nghiệp kinh doanh, tạo lập và điều hành doanh nghiệp của bản thân và gia đình nói chung và trong lĩnh vực du lịch nói riêng.

- Trong các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức đào tạo và nghiên cứu:

+ Làm chuyên gia tư vấn, phân tích, dự báo, nghiên cứu viên về lĩnh vực quản lý và quản trị kinh doanh du lịch: Làm việc tại các bộ phận chức năng của cơ quan quản lý Nhà nước, các Bộ, ngành hoặc địa phương, tại cơ quan nghiên cứu cấp trung ương, bộ, ngành, địa phương;

+ Làm trợ giảng, giảng viên, nghiên cứu viên: Giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đào tạo trình độ đại học, sau đại học gắn với chuỗi kinh doanh du lịch; tham gia giảng dạy tại các Trường Cao đẳng hoặc các khóa ngắn hạn, phổ biến kiến thức mới liên quan đến nghề nghiệp đào tạo; Là các nghiên cứu viên tại các viện, các trung tâm nghiên cứu về du lịch và kinh doanh du lịch.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes):

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Quản trị kinh doanh du lịch, ngành Quản trị kinh doanh đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Quản trị kinh doanh du lịch; có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Cụ thể:

3.1. Về kiến thức:

3.1.1 Kiến thức giáo dục đại cương:

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiên bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về CNTT, có nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc và hội nhập quốc tế

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và bổ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành:**

PLO4: - Hiểu và vận dụng được những nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, cùng các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động của từng thị trường trong việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế, đồng thời giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

- Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng, cơ bản về kinh tế, kế toán, tài chính, tiền tệ, pháp luật kinh tế, thống kê; kiến thức cốt lõi về quản trị kinh doanh để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực quản trị kinh doanh du lịch; vận dụng, phân tích Tiếng Anh kinh tế, Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu chuyên sâu.

*** Kiến thức ngành và bổ trợ:**

PLO5: - Hiểu và vận dụng, phân tích kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị kinh doanh trong môi quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan khác.

- Hiểu và vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp được một số vấn đề chuyên sâu/nghiệp vụ cụ thể về: Quản trị kinh doanh, Quản trị doanh nghiệp, Marketing căn bản, Quản trị chiến lược, Văn hóa doanh nghiệp, Quản trị rủi ro, Quản trị kinh doanh du lịch, Quản trị kinh doanh dịch vụ quốc tế.

PLO6: Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể về: Kế toán quản trị căn bản, Phân tích tài chính doanh nghiệp, Kế toán tài chính cơ bản, Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú và vận chuyển khách du lịch, Tiếng Trung trong giao tiếp du lịch, Quản lý nhà nước về kinh tế, Tài nguyên du lịch, Khoa học quản lý, Quản trị logistics và chuỗi cung ứng, Văn hóa Việt Nam và Thế giới (The World and Vietnamese Culture) trong tiếp cận, giải quyết vấn đề để bổ trợ chuyên môn cho lĩnh vực Quản trị kinh doanh du lịch; hướng tới liên thông ngang sang các ngành đào tạo khác cùng khối ngành kinh tế và hướng tới để mở rộng cơ hội nghề nghiệp.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Phân tích, đánh giá kiến thức cơ bản, chuyên sâu về Quản trị điểm đến du lịch nhằm hiểu được tổng quan về điểm đến du lịch, nắm được thực trạng điểm đến du lịch như môi trường kinh doanh, các nguồn lực, các ngành hỗ trợ; thiết lập được tầm nhìn chiến lược, mục tiêu phát triển điểm đến du lịch; định vị và xây dựng thương hiệu cho điểm đến, marketing điểm đến du lịch, đảm bảo chất lượng trải nghiệm của du khách tại điểm đến du lịch; định vị doanh nghiệp trong phát triển điểm đến du lịch.

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về: Tổ chức sự kiện, Quản trị chương trình du lịch, Thực tập nghiệp vụ kinh doanh du lịch, Quản trị kinh doanh du lịch số, Kinh tế du lịch. Cụ thể:

+ Tổng quan về tổ chức sự kiện, lập kế hoạch tổ chức sự kiện (mục tiêu, kế hoạch, kịch bản, nhân sự, ngân sách, dự trù rủi ro và phương án xử lý), triển khai tổ chức sự kiện, truyền thông và quảng bá sự kiện, đánh giá và tổng kết sự kiện, thực hành tổ chức sự kiện, xu hướng tổ chức sự kiện hiện đại, tổ chức sự kiện trong du lịch;

+ Quản trị chương trình du lịch: Các loại chương trình du lịch nội địa, đón khách, gửi khách; thiết kế, điều hành chương trình du lịch, phối hợp với các nhà

cung cấp dịch vụ để tổ chức thực hiện chương trình du lịch; phân tích giá thành và định giá bán chương trình du lịch; quản trị chất lượng thiết kế chương trình du lịch và xác định, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng chương trình du lịch; marketing và truyền thông chương trình du lịch;

+ Thực hành nghiệp vụ kinh doanh du lịch: Hướng dẫn các nghiệp vụ quản trị kinh doanh du lịch tại các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động liên quan đến quản lý và kinh doanh du lịch, bao gồm các nghiệp vụ như tổ chức sự kiện, thiết kế, xây dựng tour du lịch, đánh giá, phân tích tài nguyên du lịch, các nguồn lực phát triển du lịch, liên kết mạng lưới kinh doanh du lịch, thực hành ứng dụng công nghệ vào kinh doanh du lịch và quản trị kinh doanh du lịch, thực hành các kỹ năng mềm trong quá trình thực hành các nghiệp vụ kinh doanh du lịch; thực hành viết báo cáo tổng kết, đánh giá, phân tích kết quả thực hành nghiệp vụ.

+ Quản trị kinh doanh du lịch số: Tổng quan về quản trị kinh doanh du lịch trên nền tảng số như lịch sử phát triển và tầm quan trọng của quản trị kinh doanh du lịch số; xu hướng phát triển của quản trị kinh doanh du lịch số, các nguyên tắc trong quản trị kinh doanh du lịch số; Các mô hình quản trị kinh doanh du lịch số; Ứng dụng công nghệ số trong quản trị kinh doanh các lĩnh vực cụ thể của ngành du lịch gồm lĩnh vực quản trị kinh doanh chương trình du lịch, quản trị điểm đến, quản trị nhà hàng, khách sạn,...

+ Kinh tế du lịch: Phân tích bản chất kinh tế của sự tồn tại và phát triển của ngành du lịch và vai trò của ngành du lịch đối với nền kinh tế cũng như ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế đối với sự phát triển của ngành du lịch. Cụ thể như nắm bắt các khái niệm, đặc điểm, nội dung của sản phẩm du lịch, khách du lịch, thị trường du lịch (cung – cầu du lịch), lao động và vốn kinh doanh du lịch, cơ sở vật chất-kỹ thuật du lịch, hiệu quả kinh tế-xã hội của du lịch.

PLO8: Thiết kế, xây dựng, phát triển được kiến thức thực tế, chuyên sâu; kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp quản trị kinh doanh nói chung và quản trị kinh doanh du lịch nói riêng tại các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo, viện, trung tâm nghiên cứu có liên quan đến du lịch để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, tổng hợp, báo cáo, đề xuất, tham mưu và giải quyết vấn đề chuyên sâu thuộc lĩnh vực Quản trị kinh doanh và Quản trị kinh doanh du lịch; am hiểu lĩnh vực khác hỗ trợ ngành; thực hành và sử dụng phần mềm chuyên môn thành thạo.

- Có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn; tự bổ sung, cập nhật kiến thức mới, tiếp tục nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc trong các môi trường làm việc khác nhau.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; luận giải logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và thuyết trình; soạn thảo văn bản; quản lý và tổ chức công việc; tư duy phản biện và đàm phán; quản lý thời gian và làm việc nhóm; làm việc độc lập, khoa học và chuyên nghiệp; thấu hiểu để giải quyết tốt vấn đề thực tiễn.

- Có kỹ năng khởi nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân; thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

PLO10: - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng CNTT cơ bản hoặc tương đương và năng lực số quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu;.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 3/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong công việc chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt, thấu hiểu; có sức khỏe; tư duy đổi mới và cầu tiến; năng động và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

PLO12: - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; phục vụ cộng đồng; có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm và cộng đồng.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã học phần/môn học trong các chương trình đào tạo:
Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41		
A1		Kiến thức chung	30		
		<i>Phần bắt buộc</i>	24		
1	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45	
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	30	
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4	VPP0401	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	
5	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6	BLF0123	Tiếng Anh cơ bản	4	60	
7	AMA0239	Toán cao cấp	3	45	
8	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30	
9	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30	
10	ITO0236	Tin học	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	6		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
11	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
12	SOC0248	Xã hội học	2	30	
13	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30	
14	EEC0097	Kinh tế môi trường	2	30	
15	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	30	
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11		
16	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90	
		<i>Phần bắt buộc</i>	1		
17	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
18	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
19	AED0351	Bóng rổ	2	60	
20	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
21	AED0353	Bơi	2	60	
22	AED0354	Bóng bàn	2	60	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
23	AED0355	Cầu lông	2	60	
24	AED0356	Taekwondo	2	60	
25	AED0359	Thẻ đục phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90		
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6		
26	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45	
27	MIE0011	Kinh tế vi mô cơ bản	3	45	
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24		
28	EFL0012	Tiếng Anh kinh tế	3	45	
29	EFL0011	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60	
30	FAM0193	Tài chính tiền tệ	2	30	
31	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	60	
32	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	45	
33	ELA0143	Pháp luật kinh tế	2	30	
34	FMA0180	Quản trị học	4	60	
35	QEC0097	Kinh tế lượng cơ bản	2	30	
B3		Kiến thức ngành	16		
36	BUA0121	Quản trị doanh nghiệp	2	30	
37	GMA0111	Marketing căn bản	2	30	
38	SMA0161	Quản trị chiến lược	2	30	
39	CCU0246	Văn hóa doanh nghiệp	2	30	
40	RIM0610	Quản trị rủi ro	2	30	
41	BMT1001	Quản trị kinh doanh du lịch	2	30	
42	BMA0167	Quản trị kinh doanh	2	30	
43	ISB0102	Quản trị kinh doanh dịch vụ quốc tế	2	30	
B4		Kiến thức chuyên ngành	14		
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>		
44	TDM2000	Quản trị điểm đến du lịch	2	30	
45	OEE1010	Tổ chức sự kiện	3	45	
46	TPM1001	Quản trị chương trình du lịch	4	60	
47	ITB0010	Thực tập nghiệp vụ kinh doanh du lịch	3	45	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>2</i>		
48	DBA0110	Quản trị kinh doanh du lịch số	2	30	
49	TME0300	Kinh tế du lịch	2	30	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
B5		Kiến thức bổ trợ	20		
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>		
50	MAC0030	Kế toán quản trị căn bản	2	30	
51	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	
52	AFB0010	Kế toán tài chính cơ bản	4	60	
53	BAT5001	Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú và vận chuyển khách du lịch	3	45	
		<i>Phần tự chọn</i>	8		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
54	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
55	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
56	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
57	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
58	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	
		<i>Nhóm 2</i>	6		
59	CCT0101	Tiếng Trung trong giao tiếp du lịch	2	30	
60	MSI0056	Khoa học quản lý	2	30	
61	SME0294	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	30	
62	TLR0002	Tài nguyên du lịch	2	30	
63	MLS3350	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	2	30	
64	WVC0120	Văn hóa Việt Nam và Thế giới (The World and Vietnamese Culture)	2	30	Tiếng Anh
B6		Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10		
65	SPR0302	Thực tập tốt nghiệp – 03.02	10	150	
		<i>Thực tập cuối khóa (thực hành)</i>	4	60	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	6	90	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131		
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120		

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ							
		(dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp						x	x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp). Tuy nhiên, tùy theo năng lực của người học có thể hoàn thành khóa học sớm hơn quy định.

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong CTĐT.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc nhóm; **4)** Phương pháp tranh biện; **5)** Phương pháp tình huống; **6)** Phương pháp trải nghiệm thực tế; **7)** Phương pháp thực hành; **8)** Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy - học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,... nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá:

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy - học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện CTĐT.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy - học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

- Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong CTĐT.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức khác đánh giá kết thúc môn học.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Quản trị kinh doanh du lịch (Chương trình chuẩn) phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.
- Nội dung CTĐT Quản trị kinh doanh du lịch được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính.
- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỞNG KHOA

Vũ Duy Nguyễn

GIÁM ĐỐC ✓



Nguyễn Đào Tùng